



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Bui Hong
Last Middle First

Current Address: 206/1 Su Van Hanh P. 2 Q. 10 TP. HCM.

Date of Birth: 7/15/45 Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/18/75 To 6/22/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

TY CÔNG AN PHÚ KHÁNH
TRẠI CẢI TẠO A.30

Số 735 /GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngũ quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại cải tạo A.30, Ty công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 964/D43-5-6-1981 Ty công an Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: BUI HỒNG — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 15 tháng 7 năm 1945

— Sinh quán: Hải Tân, Phan ri cửa, Bắc Bình, Thuận Hải

— Trú quán: Hải Tân, Phan ri cửa, Bắc Bình, Thuận Hải

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Phật giáo — Đảng phái: _____

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Đại úy — Tiểu đoàn trưởng

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 18-4-1975

— Nay về cư trú tại: Đồn Hải Tân, xã Phan ri cửa, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Thuận Hải

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 22 tháng 11 năm 1981

Lấn tay ngón trở phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Bui Hồng

Am

Đanh bản số: _____

Lập tại: _____

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN.

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : BÙI-HỒNG		2- Cấp bậc : Thiếu-Úy/HD	3 - Số-quân : 65/110.864
4 - Ngày sinh : 15-07-1945	5 - Gia-cảnh : Độc-thân	6- Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn 1/47
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) ĐẶNG-THỊ-HÒA		9- Nghề-nghiep : học-sinh	
10 - Ngày sinh : 09-08-1949	11 - Gia-cảnh : Độc-thân	12- Địa-chỉ : Ấp Bình-An, xã Tuy-Hòa, quận Tuy-Hòa, tỉnh Phú-Yên	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) : ĐẶNG-NGỌC-THÀNH		14- Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) : LÊ-THỊ-RẤT	
15 - CAM KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) <u>ĐẶNG-THỊ-HÒA</u> trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH. (Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).			
16 - Làm tại KBC 47.67 ngày 08/08/69		18- Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn : Ký-tên	
17 - Nơi nhận CHỈ. KBC 4.002/P.TQT			

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số : 11749/TM/TQT/NSV/HLP KBC.4002 ngày. 26/08/1969.	
20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN : Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn : - Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH. - Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).	
21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn. NƠI-NHẬN: -Trung-Đoàn 47BB.KBC.47.66. TL. Đại-tướng CAO-VAN-VIÊN, Tổng Tham-Mưu trưởng QLVNCH TL. Thiếu-tướng NGUYỄN-VAN-MẠNH Tham-Mưu trưởng liên Quân Thiếu-tướng NGUYỄN-XUÂN-TRANG Tham-Mưu Phó Nhân-Viên (Ấn-ký)	

CHỈ DẪN

PHẦN I. Do quân nhân muốn lập gia-đình diện khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoàn trả để thiết lập lại.

- Họ tên (mục 1 và 8) : Ghi đúng theo khai sinh.
- Cấp bậc (mục 2) : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc.
(thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...)
- Số quân (mục 3) : Ghi đầy đủ số quân 8 số.
- Gia-cảnh (mục 5 và 11) : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).
- Thành phần QLVNCH (mục 6) : Đánh dấu chéo (x) vào ô thích hợp.
- Nghề nghiệp (mục 9) : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.
- Địa-chỉ (mục 12) : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.
- Nơi nhận (mục 17) : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT.

PHẦN II. Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

SAO-GỬI:

- Tiểu-Đoàn 1/47.
- Đề tọng đặt đến SQ d/s'
- Ban Tại-Chánh TRD47.
- Đề tùy hành'
- Tổ Hồ-Sơ-Phieu/47.
- Đề nhật tu vào h/s cá-nhân'
- HỒ-SƠ.
- Lưu-chiếu ./-

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
QUÂN LỰC VIỆT-NAM CỘNG HÒA
QUÂN ĐOÀN 2
SƯ ĐOÀN 22 BQ
TRUNG ĐOÀN 47 ĐO-BÌNH
ĐO CLÍ HUY / BAN 1

SỐ: 1771 /TRD47/1/HT/KH.

KBC.-47.66, ngày 02 tháng 09 năm 1969

TL. Đại-lá VY-VAN-BÌNH,
Trung-Đoàn Trưởng Trung-Đoàn 47/BB.
LÊ-TRỌNG-THỨC,
Đoàn Trưởng Ban 1.



Tỉnh, Thành phố Chuẩn Hải
Quận, Huyện Quy Phong
Xã, Phường Phan Xi Cua

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 01
Số 278

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN ^{trên bàn}

Họ và tên người vợ VÕ THỊ HÀ
Sinh ngày 1951
Quê quán Chuẩn Hải
Nơi đăng ký thường trú Tổ dân phố 22
Phan Xi Cua, Quy Phong, Chuẩn Hải
Nghề nghiệp Làm rẫy
Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 260 191 047

Họ và tên người chồng BÙI HỒNG
Sinh ngày 1945
Quê quán Chuẩn Hải
Nơi đăng ký thường trú Tổ dân phố 37
Phan Xi Cua, Quy Phong, Chuẩn Hải
Nghề nghiệp Làm rẫy
Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 260 543 560

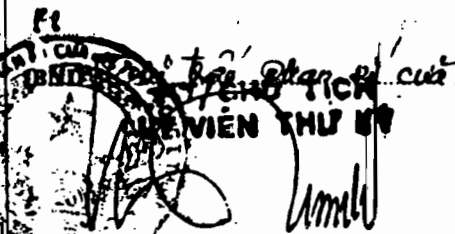
Kết hôn ngày 04 th

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

Chauke

Budala



NGO TÂN LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

Mẫu HT8/P1

Xã, thị trấn: Phước Mỹ 3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã, quận: Quy Nhơn

Thành phố, tỉnh: Phước Yên

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 14

Quê số 01

Họ và tên Nam hay nữ	<u>Phước Mỹ Hoa</u> <u>Nữ</u>
Sinh ngày, tháng, năm	<u>1949</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Hán</u> <u>Việt Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú	<u>12/11 Thôn Bình An, Phước Mỹ 3</u> <u>Thị xã Quy Nhơn</u>
Ngày, tháng, năm chết Nơi chết	<u>28.05.1983</u> <u>Suối mồi, xã Lưu Định Tây</u> <u>Lưu Định</u>
Nguyên nhân chết	<u>Tăng Nguy Thuận</u> <u>Bệnh chột, lưu hành T.X. Quy Nhơn</u>
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	<u>Phước Mỹ Hoa</u> <u>Phước Mỹ 3</u>
Số giấy CM, giấy CNCC Quan hệ với người chết	<u>con ruột</u>

Đăng ký ngày 04 tháng 06 năm 1983

TM/UBND Phước Mỹ 3

(Ký tên, đóng dấu)

Phước Mỹ Hoa

Phước Mỹ Hoa

Phước Mỹ Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Tên: Phạm Văn B

Họ và tên: Phạm Văn B

Thị trấn: Phạm Văn B

Tỉnh: Phạm Văn B

Số: 100

Quyển: 21

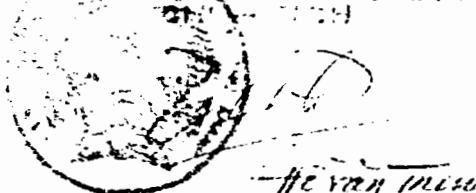
GIẤY KHAI SINH

HỌ VÀ TÊN	<u>Bà Chu Hoàng Sinh</u>		Nam Nữ	<u>ph</u>
Ngày tháng năm sinh	<u>ngày 22 tháng 4 năm 1972</u>			
Nơi sinh	<u>Phạm Văn B, tỉnh Hà Nam, huyện Lạc Sơn</u>			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ tên, tuổi hoặc ngày tháng năm sinh	<u>BUI HỒNG</u> <u>15 7 1945</u>	<u>DINH THỊ HOA</u> <u>(10)</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>			
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>			
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>			
Nơi Đ.K.N.K. thường trú	<u>Thị trấn Lạc Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hà Nam</u>			
Họ tên, tuổi, nơi Đ.K.N.K. thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai	<u>Bà Hoàng 1945, thị trấn Lạc Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hà Nam</u>			

NGƯỜI THỰC SỰ VÀ ĐĂNG KÝ

Phạm Văn B (chữ ký)

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ



Đăng ký ngày 10 tháng 10 năm 19 72

T.M. U.B.N.D. Phạm Văn B ký và đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phạm Văn B

Thành phố, Tỉnh _____

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

M&U HT 3/P 3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

56 804

Quyển số ..04

[illegible]

Họ và tên	Trần Thị Mai Trang	Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	(06-05-1971) ngày sáu tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm		
Nơi sinh	Hải Phòng, Phường Cầu Bính, Quận Hải		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Trần Hồng 15-07-1945	Võ Thị Hà 19-11-1951	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Làm nông Trụ tại Khu 8 Phường Cầu Bính	Làm nước mắm Trụ tại Khu 8 Phường Cầu Bính	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Võ Thị Hà 30 tuổi thường trú tại Trại Khu 8 Phường Cầu Bính Số giấy chứng minh nhân dân: 86019104		

NHẬN THỰC SÀO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 09 năm 1981

TM

- ký tên đóng dấu



Đăng ký ngày 03 tháng 05 năm 1977
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UV.T.T.
Võ thịing Lân

ỦY BAN NHÂN DÂN,
Phường, Xã Phan Thiết
Huyện, Thị Tuyên Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 183
Quyền số 05/84

[illegible]

Họ và tên	Bùi thị Linh Phương		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày một, tháng một, năm một chín tám tư (01-01-1984)			
Nơi sinh	Trạm y tế Phanícủa			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng năm sinh)	Bùi - Hồng 1945		Võ - thị - Hà 1951	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt - Nam		Việt - Nam	
Nghề nghiệp	Làm nông		Nối trô	
Nơi ĐKNK thường trú	Trạm Khu 8 Phanícủa		Trạm Khu 8 Phanícủa	
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bùi - Hồng 1945 Trạm Khu 8 Phanícủa Tuy Phong Thuận Hải			

NHÂN THỰC SAO Y BAN CHANH

Đã ký ngày 22 tháng 9 năm 1964
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

1000-1000

Don't know! N^o N^o Brought

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I- BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM :

- 1/ Full name of ex-political prisoner : **BUI - HONG**
- 2/ Date/place of birth : **15-07-1945 tại Phan Thiết, huyện Thuận Hải**
- 3/ Position before April 1975 :
 - Rank : **Đại úy**
 - Function : **Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 45 Sư đoàn 23.**
 - Military Number : **65/110.864**
- 4/ Month, Date, Year arrested : **5-5-1975**
- 5/ Month, date, Year out of Camp : **22-6-1981**
- 6/ Photocopy of Reintegration Release Certificate : Number : **795** Date : **22-6-1981**
- 7/ Present mailing address of Ex-Political Prisoner : **206/1 - SV. Van - Hanoi - District 1 - Hanoi - Hanoi**
- 8/ Current address : **Tổ dân phố 11 Phan Thiết, huyện Thuận Hải**

II- LIST FULL NAME, DATE/PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER TO BE CONSIDERED FOR US COUNTRY :

A- Relatives to accompany with Ex-P.P. to be considered for US country :

NAME	DOB	POB	MARRIED/SINGLE	RELATIONSHIP
1- VÕ - THỊ - HÀ	19-4-1951	Phan Thiết	Vợ	Vợ
2- BUI - HOANG - THUC	12-7-1970	Tuy Hòa	Không	con
3- BUI - THI - HOANG - SINH	20-4-1972	Tuy Hòa	✓	con
4- BUI - THI - MAI - TRANG	6-5-1974	Phan Thiết	✓	con
5- BUI - THI - LINH - PHUONG	1-1-1984	Phan Thiết	✓	con

B- Complete family listing (living/dead) of ex-political prisoner :

- NAME : ADDRESS :
- 1/ Father : **BUI - NỐP** (chết)
 - 2/ Mother : **NGUYỄN - THỊ - CƯNG** (chết)
 - 3/ Former spouse : **ĐẶNG - THỊ - HÒA** (chết)
 - 4/ Spouse : **VÕ - THỊ - HÀ** **Tổ dân phố 11 Phan Thiết**
 - 5/ Children : **BUI - HOANG - THUC** ✓
BUI - THI - HOANG - SINH ✓
BUI - THI - MAI - TRANG ✓
BUI - THI - LINH - PHUONG ✓

- 6/ Siblings: **BUI - HUU - TỶ** sinh năm: **1940**
CN: BUI - THI - LẠI ✓ **1942**
Em: BUI - CHÂU ✓ **1950**
BUI - THI - TỬU ✓ **1958**
BUI - THI - HIỀN ✓ **1960**

III- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

A. Closest relative in the US :

Không

B. Closest relative in other foreign countries :

Không

IV. HAVE YOU SUBMITTED APPLICATION FOR FAMILY REUNION UNTIL NOW ? Yes ☐ No ☐

These applications have reply from Bangkok ODP relative to GDP in VN :

Yes ☐ No ☒ *Không*

Do you receive any LETTER OF INTRODUCTION ?

Yes ☐ No ☒ *Không*

V. COMMENTS AND REMARKS :

Signature,

forinh

Bùi-Hồng

Date, *28-8-1989*

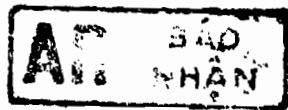
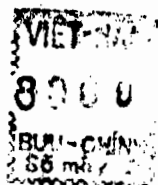
VI. DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 1.- 1 Bản sao giấy ra đi.
- 2.- 1 Bản sao chứng nhân kết hôn.
- 3.- 1 Bản sao giấy phép kết hôn với người vợ trước.
- 4.- 1 Bản sao giấy khai tử người vợ trước.
- 5.- 4 Bản sao giấy khai sinh của 4 người con.
- 6.- 6 tấm ảnh của vợ chồng và con cái.

FR: BUI HONG

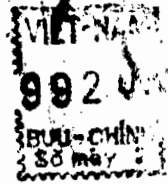
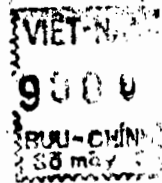
206/1 Su Van Hanh P2 Q10.

T/P. Hồ Chí Minh. VN



PAR AVION VIA AIR MAIL

HL gr: 26920 *



To: Miss KHUC MINH THO

P.O. Box 5435

ARLINGTON VA 22205-0635

- Kars U.S.A.
- 6 y
- check DP
Chuyen thư cho
Hội Dalat
giúp đỡ

CONTROL

- Card
- ☒ Doc. Request; Form
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- ODR/Date
- Membership; letter

6/3/89 form